

Số: 475/TTr-UBND

Quảng Bình, ngày 19 tháng 03 năm 2024

**TỜ TRÌNH**

**Đề nghị ban hành Nghị quyết về giao nhiệm vụ cho UBND tỉnh thực hiện một số nội dung chi trong dự toán ngân sách năm 2024**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết về giao nhiệm vụ cho UBND tỉnh thực hiện một số nội dung chi trong dự toán ngân sách năm 2024 với các nội dung cụ thể sau:

I. Căn cứ pháp lý và sự cần thiết ban hành Nghị quyết

1. Cơ sở pháp lý

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước 2015; Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật NSNN;

Căn cứ Thông tư số 76/2023/TT-BTC ngày 29/12/2023 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 148/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2024;

Theo quy định tại điểm b, khoản 3, Điều 5, Thông tư số 76/2023/TT-BTC ngày 29/12/2023 của Bộ Tài chính quy định về việc tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 quy định:

*“b) Cơ quan tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp chưa giao cho các đơn vị dự toán cấp I đối với các nhiệm vụ chưa xác định được rõ đơn vị thực hiện trong dự toán đầu năm của các đơn vị dự toán cấp I và các nội dung dự kiến phát sinh nhưng chưa có chủ trương của Ủy ban nhân dân cho phép thực hiện. Khi phát sinh nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền quyết định, cơ quan tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp để trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định, trường hợp được Hội đồng nhân dân cùng cấp giao nhiệm vụ cho Ủy ban nhân dân thực hiện thì cơ quan tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân ban hành quyết định giao bổ sung dự toán cho các đơn vị dự toán cấp I.”*

2. Cơ sở thực tiễn

Tại Nghị quyết số 148/NQ-HĐND, UBND tỉnh chưa trình HĐND tỉnh giao dự toán cho các đơn vị dự toán cấp I đối với các nhiệm vụ chưa xác định rõ đơn vị thực hiện và các nội dung dự kiến phát sinh nhưng chưa có chủ trương của cấp có thẩm quyền. Tổng nguồn kinh phí cho các nhiệm vụ nêu trên bao gồm:

1. Kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội: Gồm kinh phí hỗ trợ ngư dân theo Quyết định 48/2010/QĐ-TTg 334,292 tỷ đồng, kinh phí bảo vệ rừng thuộc chương trình lâm nghiệp 57,894 tỷ đồng, kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho

các đối tượng được Nhà nước đóng và hỗ trợ đóng: 13 tỷ, khen thưởng cho các đối tượng được thưởng huy hiệu đảng 30 tỷ, nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương,...: Các khoản kinh phí này đã có nội dung và định mức chi theo quy định của Chính phủ hoặc HĐND tỉnh nhưng thực tế chưa phát sinh. Riêng chương trình lâm nghiệp do các cơ quan tham mưu chưa xây dựng được định mức, đơn giá bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên nên chưa có cơ sở giao dự toán.

2. Kinh phí chi chung các sự nghiệp: quản lý nhà nước 100 tỷ (đợt xuất hành chính 30 tỷ, đại hội ngày lễ 40 tỷ, đoàn ra đoàn vào 10 tỷ, mua xe 20 tỷ); sự nghiệp giáo dục 50 tỷ (đề án ngoại ngữ 10 tỷ, chương trình đào tạo nguồn nhân lực 20 tỷ, chương trình đổi mới thay sách 20 tỷ); vốn quy hoạch và chi phí hạ tầng, kinh phí thực hiện các thủ tục đấu giá quyền sử dụng đất 48 tỷ,... là các khoản mục kinh phí chưa giao nhiệm vụ, chưa xác định cụ thể đơn vị thực hiện.

*(có Phụ lục chi tiết kèm theo)*

Do vậy để kịp thời bổ sung dự toán cho các đơn vị dự toán cấp I triển khai nhiệm vụ sau khi đã xác định rõ đơn vị thực hiện và được cấp có thẩm quyền phê duyệt, UBND tỉnh báo cáo và trình Hội đồng nhân dân tỉnh giao nhiệm vụ cho UBND tỉnh xem xét, quyết định giao bổ sung dự toán cho các đơn vị dự toán cấp I khi phát sinh nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền quyết định đối với các nguồn kinh phí nêu trên theo điểm b, khoản 3, Điều 5, Thông tư số 76/2023/TT-BTC ngày 29/12/2023 của Bộ Tài chính quy định về việc tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2024.

## II. Nội dung và bố cục của Nghị quyết

Nghị quyết gồm có 03 Điều, trong đó:

Điều 1. Giao nhiệm vụ cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện một số nội dung chi trong dự toán chi ngân sách năm 2024: giao bổ sung dự toán năm 2024 cho các đơn vị dự toán cấp I đối với các nhiệm vụ chưa xác định được rõ đơn vị thực hiện trong dự toán đầu năm và các nội dung dự kiến phát sinh nhưng chưa có chủ trương của cấp có thẩm quyền cho phép thực hiện thuộc dự toán ngân sách năm 2024.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Điều 3. Điều khoản thi hành

UBND tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định./.

### Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban KTNS - HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Phong Phú

**PHỤ LỤC**

*(Kèm theo Tờ trình số 475/TTr-UBND ngày 19/03/2024 của UBND tỉnh)*

*ĐVT: Triệu đồng*

STT	Nội dung	Dự toán 2024	Trong đó nguồn kinh phí thực hiện chính sách an sinh xã hội; kinh phí thực hiện các NQ do HĐND tỉnh đã ban hành và dự kiến ban hành; các chính sách đã có quy định, định mức
	<b>TỔNG SỐ CHI THƯỜNG XUYÊN</b>	<b>1.087.228</b>	<b>638.093</b>
<b>A</b>	<b>QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ</b>	<b>100.000</b>	
1	Mua xe	20.000	
2	Đoàn ra, đoàn vào	10.000	
3	Đại hội, ngày lễ, xúc tiến đầu tư	40.000	
4	Chi đột xuất hành chính khác	30.000	
<b>B</b>	<b>SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO</b>	<b>156.387</b>	<b>103.387</b>
1	SN giáo dục khác	24.392	24.392
2	Kinh phí hợp đồng lao động theo NĐ 111	78.995	78.995
3	Đào tạo lại	3.000	
4	Kinh phí thực hiện chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông	20.000	
5	Đề án Nâng cao năng lực dạy và học ngoại ngữ	10.000	
6	Chương trình đào tạo nguồn nhân lực theo Chương trình hành động 04-TU và kế hoạch 463 của UBND tỉnh	20.000	
<b>C</b>	<b>SỰ NGHIỆP Y TẾ</b>	<b>24.777</b>	<b>13.477</b>
1	Sự nghiệp y tế khác	10.000	
2	Vốn đối ứng các Dự án y tế	1.300	
3	Kinh phí mua thẻ BHYT các đối tượng	13.477	13.477
<b>D</b>	<b>SỰ NGHIỆP VĂN HÓA - THỂ THAO- DU LỊCH</b>	<b>15.000</b>	
1	Chương trình Du lịch	15.000	
<b>E</b>	<b>SỰ NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ</b>	<b>12.094</b>	
1	Sự nghiệp khoa học công nghệ	12.094	
<b>G</b>	<b>SỰ NGHIỆP KINH TẾ</b>	<b>529.098</b>	<b>444.357</b>
1	Chương trình lâm nghiệp	57.984	57.984
2	Hỗ trợ sửa chữa kết cấu Công trình Thủy lợi	10.000	
3	Vốn đối ứng nước ngoài và đối ứng khác	5.000	
4	Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ	1.300	
5	Kinh phí miễn giảm thủy lợi phí	29.145	29.145
6	Chương trình bố trí dân cư	7.000	7.000
7	Kp thực hiện NQ hỗ trợ cước thuê bao dịch vụ Giám sát hành trình	2.936	2.936
8	Kinh phí thực hiện NQ “Quy định khu vực thuộc nội thành của TP, TX, TT, KDC không được phép chăn nuôi, ....	3.000	3.000
9	Kp thực hiện NQ duy tu, bảo dưỡng và xử lý cấp bách sự cố đê điều	10.000	10.000
10	Kinh phí thực hiện Quyết định 48/QĐ-TTg	334.292	334.292

STT	Nội dung	Dự toán 2024	Trong đó nguồn kinh phí thực hiện chính sách an sinh xã hội; kinh phí thực hiện các NQ do HĐND tỉnh đã ban hành và dự kiến ban hành; các chính sách đã có quy định, định mức
11	Kinh phí thực hiện chuyển đổi số	20.000	
12	Vốn quy hoạch; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; kinh phí xác định chi phí hạ tầng các dự án; kinh phí thực hiện các thủ tục đấu giá quyền sử dụng đất,...	48.441	
<b>I</b>	<b>ĐẢM BẢO XÃ HỘI</b>	<b>86.871</b>	<b>76.871</b>
1	Chế độ bảo trợ xã hội	38.469	38.469
2	Đợt xuất khác	10.000	
3	Kinh phí thực hiện Đề án 1371	3.402	3.402
4	Kinh phí thực hiện Đề án nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2024-2026 và Nghị quyết hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy	5.000	5.000
5	Khen thưởng huy hiệu đảng	30.000	30.000
<b>K</b>	<b>QUỐC PHÒNG, AN NINH</b>	<b>28.000</b>	
1	Đợt xuất ANQP	10.000	
2	Vốn dự bị động viên	15.000	
3	Kinh phí ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia	3.000	
<b>L</b>	<b>CHI KHÁC</b>	<b>35.000</b>	
1	Hỗ trợ các đơn vị và đợt xuất khác	35.000	
<b>M</b>	<b>DỰ PHÒNG HỤT THU CÂN ĐỐI</b>	<b>100.000</b>	
N	NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG (theo số liệu thực tế phát sinh)		

Số: /NQ-HĐND  
(Dự thảo)

Quảng Bình, ngày tháng 3 năm 2024

## NGHỊ QUYẾT

Về giao nhiệm vụ cho UBND tỉnh thực hiện một số nội dung trong dự toán  
chi ngân sách năm 2024

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 15

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của  
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 76/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ  
Tài chính quy định về việc tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm  
2024;

Căn cứ Nghị quyết số 148/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của  
Hội đồng nhân dân tỉnh về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi  
ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2024;

Xét Tờ trình số: 475/TTr-UBND ngày 19 tháng 03 năm 2024 của Ủy ban  
nhân dân tỉnh về đề nghị ban hành Nghị quyết về giao nhiệm vụ cho Ủy ban  
nhân dân tỉnh quyết định một số nội dung chi trong dự toán ngân sách năm  
2024; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế – ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và  
ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Giao nhiệm vụ cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện một số nội  
dung chi trong dự toán chi ngân sách năm 2024: giao bổ sung dự toán năm 2024  
cho các đơn vị dự toán cấp I đối với các nhiệm vụ chưa xác định được rõ đơn vị  
thực hiện trong dự toán đầu năm và các nội dung dự kiến phát sinh nhưng chưa  
có chủ trương của cấp có thẩm quyền cho phép thực hiện thuộc dự toán ngân  
sách năm 2024 (Có Phụ lục chi tiết kèm theo).

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực  
hiện Nghị quyết này và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất;  
giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các

Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 3.** Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVIII, Kỳ họp thứ 15 thông qua ngày 29 tháng 03 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

***Nơi nhận:***

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các cơ quan ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Các Ban, các tổ đại biểu và các đại biểu HĐND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Quảng Bình, Đài PTTH Quảng Bình;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**

**PHỤ LỤC CÁC NGUỒN KINH PHÍ GIAO UBND TỈNH THỰC HIỆN**

*(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HDND ngày /03/2024)*

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán 2024	Trong đó nguồn kinh phí thực hiện chính sách an sinh xã hội; kinh phí thực hiện các NQ do HĐND tỉnh đã ban hành và dự kiến ban hành; các chính sách đã có quy định, định mức
	<b>TỔNG SỐ CHI THƯỜNG XUYÊN</b>	<b>1.087.228</b>	<b>638.093</b>
<b>A</b>	<b>QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ</b>	<b>100.000</b>	
1	Mua xe	20.000	
2	Đoàn ra, đoàn vào	10.000	
3	Đại hội, ngày lễ, xúc tiến đầu tư	40.000	
4	Chi đột xuất hành chính khác	30.000	
<b>B</b>	<b>SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO</b>	<b>156.387</b>	<b>103.387</b>
1	SN giáo dục khác	24.392	24.392
2	Kinh phí hợp đồng lao động theo ND 111	78.995	78.995
3	Đào tạo lại	3.000	
4	Kinh phí thực hiện chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông	20.000	
5	Đề án Nâng cao năng lực dạy và học ngoại ngữ	10.000	
6	Chương trình đào tạo nguồn nhân lực theo Chương trình hành động 04-TU và kế hoạch 463 của UBND tỉnh	20.000	
<b>C</b>	<b>SỰ NGHIỆP Y TẾ</b>	<b>24.777</b>	<b>13.477</b>
1	Sự nghiệp y tế khác	10.000	
2	Vốn đối ứng các Dự án y tế	1.300	
3	Kinh phí mua thẻ BHYT các đối tượng	13.477	13.477
<b>D</b>	<b>SỰ NGHIỆP VĂN HÓA - THỂ THAO- DU LỊCH</b>	<b>15.000</b>	
1	Chương trình Du lịch	15.000	
<b>E</b>	<b>SỰ NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ</b>	<b>12.094</b>	
1	Sự nghiệp khoa học công nghệ	12.094	
<b>G</b>	<b>SỰ NGHIỆP KINH TẾ</b>	<b>529.098</b>	<b>444.357</b>
1	Chương trình lâm nghiệp	57.984	57.984
2	Hỗ trợ sửa chữa kết cấu Công trình Thủy lợi	10.000	
3	Vốn đối ứng nước ngoài và đối ứng khác	5.000	
4	Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ	1.300	
5	Kinh phí miễn giảm thủy lợi phí	29.145	29.145
6	Chương trình bố trí dân cư	7.000	7.000
7	Kp thực hiện NQ hỗ trợ cước thuê bao dịch vụ Giám sát hành trình	2.936	2.936
8	Kinh phí thực hiện NQ “Quy định khu vực thuộc nội thành của TP, TX, TT, KDC không được phép chăn nuôi, ....	3.000	3.000
9	Kp thực hiện NQ duy tu, bảo dưỡng và xử lý cấp bách sự cố đê điều	10.000	10.000
10	Kinh phí thực hiện Quyết định 48/QĐ-TTg	334.292	334.292

STT	Nội dung	Dự toán 2024	Trong đó nguồn kinh phí thực hiện chính sách an sinh xã hội; kinh phí thực hiện các NQ do HĐND tỉnh đã ban hành và dự kiến ban hành; các chính sách đã có quy định, định mức
11	Kinh phí thực hiện chuyển đổi số	20.000	
12	Vốn quy hoạch; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; kinh phí xác định chi phí hạ tầng các dự án; kinh phí thực hiện các thủ tục đấu giá quyền sử dụng đất,...	48.441	
<b>I</b>	<b>ĐẢM BẢO XÃ HỘI</b>	<b>86.871</b>	<b>76.871</b>
1	Chế độ bảo trợ xã hội	38.469	38.469
2	Đợt xuất khác	10.000	
3	Kinh phí thực hiện Đề án 1371	3.402	3.402
4	Kinh phí thực hiện Đề án nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2024-2026 và Nghị quyết hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy	5.000	5.000
5	Khen thưởng huy hiệu đảng	30.000	30.000
<b>K</b>	<b>QUỐC PHÒNG, AN NINH</b>	<b>28.000</b>	
1	Đợt xuất ANQP	10.000	
2	Vốn dự bị động viên	15.000	
3	Kinh phí ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia	3.000	
<b>L</b>	<b>CHI KHÁC</b>	<b>35.000</b>	
1	Hỗ trợ các đơn vị và đợt xuất khác	35.000	
<b>M</b>	<b>DỰ PHÒNG HỤT THU CÂN ĐỐI</b>	<b>100.000</b>	
<b>N</b>	<b>NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG (theo số liệu thực tế phát sinh)</b>		